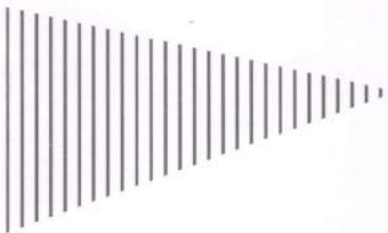


# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



**EY**

Building a better world

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

#### GCNĐKKD điều chỉnh số:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất  
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai  
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín

#### Ngày:

ngày 19 tháng 5 năm 2006  
ngày 17 tháng 5 năm 2007  
ngày 28 tháng 7 năm 2007  
ngày 10 tháng 1 năm 2008  
ngày 18 tháng 3 năm 2008  
ngày 14 tháng 1 năm 2009  
ngày 25 tháng 9 năm 2009  
ngày 1 tháng 9 năm 2010  
ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thanh Lạc	Chủ tịch
Ông Huỳnh Đoan	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên
Bà Trần Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Hoàn	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Vũ Hải Hà	Trưởng ban	
Ông Hàn Phi Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quang Thương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Xuân Hương	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **GIÁM ĐỐC**

Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Huỳnh Đoàn.

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thanh Lạc.

Ông Huỳnh Đoàn, Giám đốc, được Ông Phan Thanh Lạc, người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2011.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61121146/18592413

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Giám đốc***

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1



Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2815-2014-004

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>81.088.987.679</b>	<b>63.155.182.301</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>32.988.375.907</b>	<b>785.660.276</b>
111	1. Tiền		561.310.907	485.660.276
112	2. Các khoản tương đương tiền		32.427.065.000	300.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>47.913.954.500</b>	<b>62.206.014.720</b>
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	20	-	17.250.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	47.913.954.500	44.956.014.720
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>184.051.211</b>	<b>160.156.358</b>
141	1. Hàng tồn kho		184.051.211	160.156.358
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.606.061</b>	<b>3.350.947</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.606.061	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	3.350.947
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>178.878.060.050</b>	<b>196.003.398.166</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>89.243.309.470</b>	<b>94.103.414.493</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	89.243.309.470	94.103.414.493
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.545.204.022</b>	<b>1.807.468.066</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.533.954.022	1.781.218.066
222	Nguyên giá		5.600.479.811	5.600.479.811
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.066.525.789)	(3.819.261.745)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	11.250.000	26.250.000
228	Nguyên giá		45.000.000	45.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.750.000)	(18.750.000)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>87.912.247.074</b>	<b>100.039.758.323</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		87.912.247.074	100.039.758.323
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>177.299.484</b>	<b>52.757.284</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		177.299.484	52.757.284
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>259.967.047.729</b>	<b>259.158.580.467</b>



# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>30.640.681.228</b>	<b>30.686.971.806</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>30.640.681.228</b>	<b>30.686.971.806</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	142.957.370
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.004.302.620	908.761.802
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		70.227.273	37.500.000
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	12	29.032.135.671	29.156.923.974
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		534.015.664	440.828.660
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>13.1</b>	<b>229.326.366.501</b>	<b>228.471.608.661</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>229.326.366.501</b>	<b>228.471.608.661</b>
411	1. Vốn cổ phần		246.569.880.000	246.569.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		246.569.880.000	246.569.880.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(26.791.024.482)	(26.791.024.482)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.450.194.060	6.224.100.430
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.097.316.923	2.468.652.713
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.097.316.923	29.382.280
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		-	2.439.270.433
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>259.967.047.729</b>	<b>259.158.580.467</b>



Hồ Thị Anh Thư  
Người lập



Hồ Thị Anh Thư  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	14.1	28.377.592.874	19.858.298.474
11	2. Giá vốn hàng bán	15, 18	12.843.683.043	8.462.495.326
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		15.533.909.831	11.395.803.148
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	19.226.655.526	23.636.634.588
22	5. Chi phí tài chính	16	-	(721.506.334)
25	6. Chi phí bán hàng	18	10.006.091	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17, 18	3.477.044.580	2.024.320.018
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.273.514.686	33.729.624.052
31	9. Thu nhập khác		254.550.713	32.113.636
32	10. Chi phí khác		400.920	-
40	11. Lợi nhuận khác		254.149.793	32.113.636
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.527.664.479	33.761.737.688
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	1.555.163.635	1.251.679.378
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		29.972.500.844	32.510.058.310
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21	1.338	1.452
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21	1.338	1.452



Hồ Thị Anh Thư  
Người lập



Hồ Thị Anh Thư  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>31.527.664.479</b>	<b>33.761.737.688</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	18	5.370.259.077	2.350.971.763
03	Hoàn nhập dự phòng	16	-	(721.506.334)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	14.2	(19.226.655.526)	(23.636.634.588)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>17.671.268.030</b>	<b>11.754.568.529</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(8.359.969.466)	(18.525.480.193)
10	Tăng hàng tồn kho		(23.894.853)	(3.630.000)
11	Tăng các khoản phải trả		14.229.762.711	6.965.572.822
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(127.148.261)	85.629.009
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	5.600.000.000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(292.584.891)	(271.992.656)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	85.629.009
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(29.382.280)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>23.097.433.270</b>	<b>5.660.914.240</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(235.000.000)
23	Tiền chi cho vay		(21.800.000.000)	(19.350.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		39.050.000.000	14.580.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.823.503.801	43.192.899.906
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>38.073.503.801</b>	<b>28.187.899.906</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	13.2	(28.968.221.440)	(33.425.320.560)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(28.968.221.440)	(33.425.320.560)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		32.202.715.631	423.493.586
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		785.660.276	362.166.690
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	32.988.375.907	785.660.276

Hồ Thị Anh Thư  
Người lập

Hồ Thị Anh Thư  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở sở hữu cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc sở hữu cổ phần hóa này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất  
 3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai  
 3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba  
 5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư  
 5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm  
 5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu  
 5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy  
 5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám  
 5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín

ngày 19 tháng 5 năm 2006  
 ngày 17 tháng 5 năm 2007  
 ngày 28 tháng 7 năm 2007  
 ngày 10 tháng 1 năm 2008  
 ngày 18 tháng 3 năm 2008  
 ngày 14 tháng 1 năm 2009  
 ngày 25 tháng 9 năm 2009  
 ngày 1 tháng 9 năm 2010  
 ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 24 năm
Máy móc thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")*

Các khoản đầu tư vào HĐHTKD của Công ty được thực hiện dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Công ty là bên không kế toán và không thực hiện quyết toán thuế). Theo đó, Công ty theo dõi và ghi nhận phần doanh thu và chi phí riêng biệt tương ứng theo tỷ lệ hợp tác của Công ty trong HĐHTKD vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận này được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200.

*Dự phòng giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.11 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn, Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.238.474	14.390.047
Tiền gửi ngân hàng	555.072.433	471.270.229
Các khoản tương đương tiền	32.427.065.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.988.375.907</b>	<b>785.660.276</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi với lãi suất bình quân là 4,8%/ năm.

**Các thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu đã được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Thông tư 200. Chi tiết như sau:		
Thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia qua cán trừ công nợ	35.111.926.464	30.736.029.974
Cổ tức chi trả qua cán trừ công nợ	18.954.044.200	21.770.346.000

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.000.000.000	-
Phải thu từ HĐHTKD	36.737.444.778	44.469.491.970
Phải thu lãi cho vay	83.315.278	474.506.500
Khác	93.194.444	12.016.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.913.954.500</b>	<b>44.956.014.720</b>

Trong đó:

Bên liên quan (Thuyết minh số 20)

47.913.954.500

44.943.998.470

Các bên khác

12.016.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	174.081.911	160.156.358
Nguyên vật liệu	9.969.300	-
<b>TOTAL</b>	<b>184.051.211</b>	<b>160.156.358</b>

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản góp vốn liên doanh với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai theo các HĐHTKD vào các nhà máy thủy điện sau đây (Thuyết minh số 20):

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2	45.289.340.884	47.886.496.928
Nhà máy Thủy điện IaPuch 3	34.717.966.818	36.259.018.986
Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMeur 3	9.236.001.768	9.957.898.579
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.243.309.470</b>	<b>94.103.414.493</b>

Khoản giảm số dư phải thu dài hạn khác trong năm thể hiện tiền thu hồi các khoản góp vốn liên doanh vào các dự án nhà máy thủy điện.

Phần doanh thu và chi phí tương ứng của Công ty trong các HĐHTKD này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	VND
	Năm nay
Doanh thu thuần về bán hàng (Thuyết minh số 14.1)	26.508.476.031
Giá vốn hàng bán	10.971.743.099
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	2.160.895.626
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.375.837.306
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.226.093.630
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>12.149.743.676</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm và số cuối năm	3.133.103.240	2.299.467.199	124.419.372	43.490.000	5.600.479.811
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	1.584.426.368	124.419.372	-	1.708.845.740
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	1.969.947.655	1.717.646.383	124.419.372	7.248.335	3.819.261.745
Khấu hao trong năm	146.357.520	96.557.520	-	4.349.004	247.264.044
Số cuối năm	2.116.305.175	1.814.203.903	124.419.372	11.597.339	4.066.525.789
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	1.163.155.585	581.820.816	-	36.241.665	1.781.218.066
Số cuối năm	1.016.798.065	485.263.296	-	31.892.661	1.533.954.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>45.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	18.750.000
Hao mòn trong năm	<u>15.000.000</u>
Số cuối năm	<u>33.750.000</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>26.250.000</u>
Số cuối năm	<u>11.250.000</u>

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Cùng góp vốn đầu tư với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ( <i>Thuyết minh số 20</i> ) (*)	87.912.247.074	90.039.758.323
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ( <i>Thuyết minh số 20</i> ) (**)	-	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>87.912.247.074</u></b>	<b><u>100.039.758.323</u></b>

(\*) Số dư cuối năm thể hiện khoản cùng đầu tư với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai để thành lập một liên doanh cùng góp vốn xây dựng các công trình nhà máy thủy điện sau đây:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy Thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339
Nhà máy Thủy điện H'Chan	<u>20.353.014.735</u>	<u>22.480.525.984</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>87.912.247.074</u></b>	<b><u>90.039.758.323</u></b>

(\*\*) Chi tiết khoản đầu tư này như sau:

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	-	1.000.000	<u>10.000.000.000</u>

Trong năm, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.339.280	1.555.163.635	1.518.678.521	65.824.394
Thuế giá trị gia tăng	869.190.039	2.838.311.579	2.802.478.510	905.023.108
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.755.366	-	1.755.366
Thuế tài nguyên	10.232.483	197.387.101	175.919.832	31.699.752
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>908.761.802</u></b>	<b><u>4.592.617.681</u></b>	<b><u>4.497.076.863</u></b>	<b><u>1.004.302.620</u></b>
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	3.350.947	519.132.586	515.781.639	-

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Cổ tức phải trả	28.995.448.381	29.043.129.930
Khác	36.687.290	113.794.044-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.032.135.671</u></b>	<b><u>29.156.923.974</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	18.954.044.200	19.062.718.143
<i>Các bên khác</i>	10.075.496.941	10.094.205.831

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.283.743.345	29.382.280	225.091.981.143
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.510.058.310	32.510.058.310
Cổ tức công bố	-	-	-	(28.967.880.500)	(28.967.880.500)
Trích lập quỹ	-	-	940.357.085	(940.357.085)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(162.550.292)	(162.550.292)
Số cuối năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	6.224.100.430	2.468.652.713	228.471.608.661
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	6.224.100.430	2.468.652.713	228.471.608.661
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.972.500.844	29.972.500.844
Cổ tức công bố	-	-	-	(28.967.880.500)	(28.967.880.500)
Trích lập quỹ	-	-	1.226.093.630	(1.226.093.630)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(149.862.504)	(149.862.504)
Số cuối năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	7.450.194.060	2.097.316.923	229.326.366.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**13.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và cuối năm	246.569.880.000	246.569.880.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	28.967.880.500	28.967.880.500
Cổ tức chi trả	28.968.221.440	33.425.320.560
- Chi bằng tiền	10.014.177.240	11.654.974.560
- Cấn trừ công nợ	18.954.044.200	21.770.346.000

**13.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.374.003)	(2.374.003)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.282.985	22.282.985

**14. DOANH THU**

**14.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	28.377.592.874	19.858.298.474
Trong đó:		
Phần doanh thu được chia từ HĐHTKD (Thuyết minh số 7)	26.508.476.031	17.038.887.288
Doanh thu thực hiện được của Công ty	1.869.116.843	2.819.411.186

**14.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ góp vốn liên doanh	16.748.387.147	22.705.982.348
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	1.478.268.379	930.652.240
Lãi do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.226.655.526</b>	<b>23.636.634.588</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của doanh thu thực hiện được của Công ty	1.871.939.944	1.770.804.015
Giá vốn của phần doanh thu được chia từ HĐHTKD	<u>10.971.743.099</u>	<u>6.691.691.311</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>12.843.683.043</u></b>	<b><u>8.462.495.326</u></b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>-</u>	<u>(721.506.334)</u>

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>
Chi phí nhân công	1.362.460.368	940.699.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.787.556	85.611.800
Chi phí khấu hao và hao mòn	175.168.001	45.043.884
Chi phí vật liệu quản lý	53.616.033	10.695.696
Chi phí khác	<u>1.610.012.622</u>	<u>942.269.314</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.477.044.580</u></b>	<b><u>2.024.320.018</u></b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.713.173.568	1.186.981.621
Chi phí nhân công	3.608.917.123	2.196.786.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.621.288.095	3.668.172.410
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.282.537.067	2.350.971.763
Chi phí khác	<u>3.104.817.861</u>	<u>1.083.903.316</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.330.733.714</u></b>	<b><u>10.486.815.344</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% (2015: 22%) thu nhập chịu thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2002), Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế (năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.527.664.479</b>	<b>33.761.737.688</b>
<b>Các điều chỉnh:</b>		
Lãi góp vốn liên doanh	(16.748.387.147)	(22.705.982.348)
Chi phí không được khấu trừ	241.910.000	244.615.174
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>15.021.187.332</b>	<b>11.300.370.514</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>1.555.163.635</b>	<b>1.251.679.378</b>
Thuế TNDN phải trả (phải thu) đầu năm	29.339.280	(9.990.355)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(292.584.891)	(271.992.656)
Thuế TNDN đã nộp bởi các bên liên doanh trong năm	(1.226.093.630)	(940.357.087)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>65.824.394</b>	<b>29.339.280</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Doanh thu được chia từ HĐHTKD Chia cổ tức	26.508.476.031 18.954.044.200	17.038.887.288 18.954.044.200
		Lãi góp vốn liên doanh	16.748.387.147	22.705.982.348
		Chi phí được chia từ HĐHTKD	13.132.638.725	7.295.138.081
		Hoàn vốn liên doanh	6.987.616.272	-
		Doanh thu bán điện thương phẩm	1.869.116.843	2.818.140.162
		Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành	1.024.638.572	1.023.261.647
		Phí dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp	168.818.182	163.636.364
		Chi phí thuê văn phòng	70.909.092	70.909.092
		Lãi cho vay	-	20.377.777
		Trả hộ	162.856.937	92.525.595
		Điện tự dùng	10.315.040	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	474.506.500	433.484.278
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Bên liên quan	Đầu tư tài chính dài hạn	-	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	21.800.000.000	19.350.000.000
		Lãi cho vay	1.418.024.031	428.689.585
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	11.000.000.000	-
		Lãi trả chậm	249.027.777	-
Công ty TNHH MTV Tư Vấn và Phát Triển Năng Lượng Gia Lai	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ	21.404.364	-

## Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	-	17.250.000.000	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi góp vốn liên doanh	8.585.884.257	23.305.547.721	
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Góp vốn liên doanh	28.151.560.521	21.163.944.249	
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	474.506.500	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Lãi vay	83.315.278	-	
		Chuyển nhượng khoảng đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	11.000.000.000	-	
		Lãi trả chậm	93.194.444	-	
			<b>47.913.954.500</b>	<b>44.943.998.470</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>					
<b>Phải thu dài hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	89.243.300.368	94.103.414.493	
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	87.912.247.074	90.039.758.323	
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Bên liên quan	Đầu tư tài chính dài hạn	-	10.000.000.000	
			<b>87.912.247.074</b>	<b>100.039.758.323</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>					
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức Chi hộ	18.954.044.200	18.954.044.200	
			-	108.673.943	
			<b>18.954.044.200</b>	<b>19.062.718.143</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>527.097.000</u>	<u>523.201.334</u>

**21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	29.972.500.844	32.510.058.310
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	149.862.504	162.550.292
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	29.822.638.340	32.347.508.018
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (cổ phiếu)	22.282.985	22.282.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.338	1.452
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.338	1.452

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

**22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	<u>70.909.091</u>	<u>70.909.091</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Hồ Thị Anh Thư  
Người lập



Hồ Thị Anh Thư  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017